

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

BAN LƯU AASC
Xin Gửi Về: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9
Số 9 Nguyễn Huệ, P.1, Q.4, TP.HCM



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 27
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/12/2019
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên	
Ông Lương Văn Lý	Thành viên	
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên	
Ông Đặng Duy Hợp	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
Bà Vũ Việt Hương	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Quốc Hùng	Trưởng ban
Ông Vũ Thái Hà	Thành viên
Ông Lê Thị Anh Đào	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đặng Duy Hợp



Số: 040520.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 04 năm 2020, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2020



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.686.496.385	2.869.524.641
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.385.193.128	1.134.823.732
111	1. Tiền		210.604.919	120.298.736
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.174.588.209	1.014.524.996
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	620.000.000	235.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		620.000.000	235.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.518.570.935	1.344.909.655
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	3.081.895.768	2.919.943.311
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		36.020.000	17.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	3.560.000.000	3.560.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.687.324.715	2.280.227.876
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.846.669.548)	(7.432.761.532)
140	IV. Hàng tồn kho	09	21.020.322	21.020.322
141	1. Hàng tồn kho		1.198.402.663	1.229.321.381
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.177.382.341)	(1.208.301.059)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		141.712.000	133.770.932
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	35.594.926	9.069.315
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.809.980	47.394.523
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	77.307.094	77.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.667.629.389	48.304.037.742
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		917.687.970	917.687.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	917.687.970	917.687.970
220	II. Tài sản cố định		-	9.417.283
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	-	9.417.283
222	- Nguyên giá		188.882.984	188.882.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(179.465.701)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		57.600.000	57.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(57.600.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	20.946.506	224.337.794
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		20.946.506	224.337.794
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	45.464.834.436	42.307.430.662
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.796.340.000	8.796.340.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.752.000.000	52.752.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.183.505.564)	(19.240.909.338)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.100.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		264.160.477	4.845.164.033
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	264.160.477	125.140.570
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27	-	4.720.023.463
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		51.354.125.774	51.173.562.383

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.526.744.170	1.968.284.076
310	I. Nợ ngắn hạn		952.969.846	1.968.284.076
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	122.496.204	55.562.851
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.542.913	6.720.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.681.898	9.353.872
314	4. Phải trả người lao động		166.009.966	137.835.966
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	86.603.800	71.554.134
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	58.283.600	16.209.677
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	460.855.425	1.643.551.536
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.573.774.324	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.573.774.324	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		48.827.381.604	49.205.278.307
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	48.827.381.604	49.205.278.307
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.135.642.499)	(20.757.745.796)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(20.757.745.796)	(22.509.249.866)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(377.896.703)	1.751.504.070
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		51.354.125.774	51.173.562.383

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thị Minh Thy

Vũ Việt Hương

Đặng Duy Hợp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	5.758.247.527	9.575.238.471
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	23.711.039
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.758.247.527	9.551.527.432
11	4. Giá vốn hàng bán	22	5.172.487.156	9.012.213.300
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		585.760.371	539.314.132
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.015.152.140	130.578.150
22	7. Chi phí tài chính	24	(1.057.028.940)	(3.735.823.243)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		8.636.360	895.538
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.306.888.567	1.399.429.973
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.342.416.524	3.005.390.014
31	11. Thu nhập khác		110.603	46.113.289
32	12. Chi phí khác		400.367	116.711.709
40	13. Lợi nhuận khác		(289.764)	(70.598.420)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.342.126.760	2.934.791.594
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	4.720.023.463	1.183.287.524
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(377.896.703)</u>	<u>1.751.504.070</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng

Vũ Việt Hương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.342.126.760	2.934.791.594
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.417.283	12.556.404
03	- Các khoản dự phòng		(674.414.476)	(3.317.567.045)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(164.181)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.015.147.877)	(130.377.950)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(338.018.310)	(500.761.178)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		270.878.670	485.052.695
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		234.310.006	334.867.317
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		558.460.094	(2.430.997.904)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(165.545.518)	529.214.848
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		560.084.942	(1.582.624.222)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.485.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.175.284.454	138.854.257
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(309.715.546)	138.854.257
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		250.369.396	(1.443.769.965)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.134.823.732	2.578.429.516
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	164.181
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	1.385.193.128	1.134.823.732

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương



Đặng Duy Hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-----------|
| - Máy móc, thiết bị | 05-20 năm |
| - Phần mềm | 05 năm |

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí mua vào chưa nhận được hóa đơn,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu từ cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	35.911.248	17.590.455
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	174.693.671	102.708.281
Các khoản tương đương tiền (*)	1.174.588.209	1.014.524.996
	<u>1.385.193.128</u>	<u>1.134.823.732</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 1.174.588.209 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương - Chi nhánh TP.HCM với lãi suất từ 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	620.000.000	620.000.000	235.000.000	235.000.000
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-
	2.720.000.000	2.720.000.000	235.000.000	235.000.000

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng có giá trị là 620.000.000 VND, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,6%/năm.

⁽²⁾ Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 15 tháng có giá trị là 2.100.000.000 VND, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất 7,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	8.796.340.000	(7.431.505.564)	8.796.340.000	(7.324.121.759)
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	52.752.000.000	(10.752.000.000)	52.752.000.000	(11.916.787.579)
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	42.000.000.000	-	42.000.000.000	(1.164.787.579)
	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	61.548.340.000	(18.183.505.564)	61.548.340.000	(19.240.909.338)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Tp. Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết: Xem thuyết minh số 31

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	208.698.022	(208.698.022)	208.698.022	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholime:	18.995.000	-	18.995.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	539.074.495	(189.374.964)	377.122.038	(165.720.266)
	3.081.895.768	(2.713.201.237)	2.919.943.311	(2.480.848.517)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	2.523.826.273	(2.523.826.273)	2.523.826.273	(2.315.128.251)
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31.</i>				

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	3.560.000.000	(3.560.000.000)	3.560.000.000	(3.560.000.000)
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	3.560.000.000	(3.560.000.000)	3.560.000.000	(3.560.000.000)
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31.</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHíp SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi	13.897.390	-	11.533.967	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.837.500.000	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH Chip Sáng và Ashmanov	90.000.000	(63.000.000)	90.000.000	(45.000.000)
- Phải thu Công ty TNHH Boston Water	26.416.000	(13.208.000)	116.416.000	(34.924.800)
- Phải thu nhân viên nghỉ việc	855.861.325	(635.360.311)	830.718.958	(450.088.215)
- Ký cược, ký quỹ	1.750.000	-	1.610.000	-
- Phải thu Công ty CP ĐT & PT Sài Gòn Co.op	-	-	342.906.584	-
- Phải thu khác	-	-	25.142.367	-
	3.687.324.715	(1.573.468.311)	2.280.227.876	(1.391.913.015)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	917.687.970	-	917.687.970	-
	917.687.970	-	917.687.970	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	2.789.400.000	(924.900.000)	951.900.000	(906.900.000)
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31.</i>				

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
+ Công ty TNHH Chip Sáng và Ashmanov	2.098.698.022	27.000.000	2.098.698.022	45.000.000
+ Đối tượng khác	1.210.004.451	372.061.176	1.001.306.429	559.271.170
	8.245.730.724	399.061.176	8.037.032.702	604.271.170

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Hàng hoá	1.177.382.341	(1.177.382.341)	1.208.301.059	(1.208.301.059)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	-	20.086.231	-
	1.198.402.663	(1.177.382.341)	1.229.321.381	(1.208.301.059)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Hợp đồng số 08/2016/HĐKT/CS-Cholimax (*)	-	-	77.712.498	77.712.498
- Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/CS-Cholimax (*)	20.946.506	20.946.506	146.625.296	146.625.296
	20.946.506	20.946.506	224.337.794	224.337.794

(*) Hợp đồng cung cấp đèn Led chiếu sáng, thời gian thanh toán giá trị hợp đồng bắt đầu đúng 01 tháng sau khi Bên mua nhận được đủ thiết bị và kéo dài trong 3 năm. Giá trị thanh toán và ghi nhận doanh thu trong mỗi chu kỳ thanh toán được tính dựa trên chi phí thay thế bóng, Ballast của đèn huỳnh quang và lượng điện tiết kiệm được khi thay thế đèn huỳnh quang 36W bằng đèn Led tube 13W.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị với nguyên giá là 188.882.984 VND, giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2019 là 188.882.984 VND, số khấu hao trong năm là 9.417.283 VND. Trong đó, nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 188.882.984 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao với nguyên giá là 57.600.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa tài sản	35.594.926	9.069.315
	35.594.926	9.069.315
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.893.580	7.949.561
- Chi phí sửa chữa tài sản	234.266.897	117.191.009
	264.160.477	125.140.570

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Chấn Hưng	26.400.000	26.400.000	30.019.000	30.019.000
- Công ty TNHH DV TM Kỹ thuật Mai Tiến Phong	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000
- Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Nam Đông	7.392.000	7.392.000	7.392.000	7.392.000
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Kiến Anh	37.983.000	37.983.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	40.161.204	40.161.204	7.591.851	7.591.851
	122.496.204	122.496.204	55.562.851	55.562.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	15.062.330	15.062.330	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.353.872	5.396.357	2.068.331	-	12.681.898
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	77.307.094	9.353.872	24.458.687	21.130.661	77.307.094	12.681.898

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	45.849.320	26.954.134
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	8.100.000	4.600.000
- Chi phí phải trả khác	32.654.480	40.000.000
	86.603.800	71.554.134

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	10.431.524	6.391.524
- Bảo hiểm xã hội	4.144.956	4.144.956
- Bảo hiểm y tế	6.349.365	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.066.274	4.066.274
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	146.010.700	1.332.746.811
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.037.506	7.037.506
	460.855.425	1.643.551.536
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.573.774.324	-
	1.573.774.324	-

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	58.283.600	16.209.677
	58.283.600	16.209.677

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	Tỷ lệ (%)					VND	Tỷ lệ (%)	
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000		374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(22.509.249.866)	47.453.774.237	
Lãi trong năm trước	-		-	-	-	-	1.751.504.070	1.751.504.070	
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000		374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(20.757.745.796)	49.205.278.307	
Lãi trong năm nay	-		-	-	-	-	(377.896.703)	(377.896.703)	
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000		374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(21.135.642.499)	48.827.381.604	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh
 Các cổ đông khác
 Cổ phiếu quỹ

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)		
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,30%	9.880.440.000	12,30%		12,30%
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82%	59.269.750.000	73,82%		73,82%
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,88%	11.140.610.000	13,88%		13,88%
	80.290.800.000	100%	80.290.800.000	100%		100%

105-
 3TY
 M HUU
 NIEM T
 ASI
 TIEM-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>282.815.100</u>	<u>282.815.100</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<u>438.834.103</u>	<u>438.834.103</u>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	7.793.237.669	1.042.099.090
- Trên 1 năm đến 5 năm	7.682.783.126	-
	<u>15.476.020.795</u>	<u>1.042.099.090</u>

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng 03/HĐ-SCID/2018. Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- Từ 1 năm trở xuống	4.805.347.908	5.180.496.605
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.805.347.908	9.836.215.632
	<u>9.610.695.816</u>	<u>15.016.712.237</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ (USD)	-	286,31

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	33.955.455	4.154.548
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.265.501.112	9.148.044.937
Doanh thu thi công đèn Led	458.790.960	423.038.986
	5.758.247.527	9.575.238.471

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.190.037	105.571.881
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.879.008.928	8.782.917.864
Giá vốn dịch vụ thi công đèn Led	310.206.909	229.295.436
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(30.918.718)	(105.571.881)
	5.172.487.156	9.012.213.300

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.647.877	130.377.950
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.937.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.263	36.019
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	164.181
	4.015.152.140	130.578.150

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	3.890.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	374.834	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.057.403.774)	(3.739.713.705)
	(1.057.028.940)	(3.735.823.243)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.547.577	1.197.000
Chi phí nhân công	379.270.116	309.035.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.417.283	12.556.404
Chi phí dự phòng	413.908.016	527.718.541
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.369.596	544.172.803
Chi phí khác bằng tiền	62.375.979	750.000
	1.306.888.567	1.399.429.973

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.342.126.760	2.934.791.594
Các khoản điều chỉnh tăng	-	216.919.522
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	-	216.919.522
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.417.419.861)	(3.151.711.116)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(3.937.500.000)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(479.919.861)	(3.151.711.116)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(75.293.101)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	(77.307.094)	(77.307.094)

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	399.241.935
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	4.320.781.528
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.720.023.463
b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	154.749.791
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.720.023.463	1.028.537.733
	4.720.023.463	1.183.287.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	43.183.937	1.197.000
Chi phí nhân công	379.270.116	309.035.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.417.283	12.556.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	407.369.596	544.372.803
Chi phí khác bằng tiền	5.378.179.083	8.784.313.402
	6.217.420.015	9.651.474.834

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.385.193.128	-	1.134.823.732	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.686.908.453	(4.286.669.548)	6.117.859.157	(3.872.761.532)
Các khoản cho vay	6.280.000.000	(3.560.000.000)	3.795.000.000	(3.560.000.000)
	15.352.101.581	(7.846.669.548)	11.047.682.889	(7.432.761.532)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.157.125.953	1.699.114.387
Chi phí phải trả	86.603.800	71.554.134
	2.243.729.753	1.770.668.521

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.385.193.128	-	-	1.385.193.128
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.482.550.935	917.687.970	-	3.400.238.905
Các khoản cho vay	620.000.000	2.100.000.000	-	2.720.000.000
	4.487.744.063	3.017.687.970	-	7.505.432.033
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.134.823.732	-	-	1.134.823.732
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.327.409.655	917.687.970	-	2.245.097.625
Các khoản cho vay	235.000.000	-	-	235.000.000
	2.697.233.387	917.687.970	-	3.614.921.357

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	583.351.629	1.573.774.324	-	2.157.125.953
Chi phí phải trả	86.603.800	-	-	86.603.800
	669.955.429	1.573.774.324	-	2.243.729.753
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.699.114.387	-	-	1.699.114.387
Chi phí phải trả	71.554.134	-	-	71.554.134
	1.770.668.521	-	-	1.770.668.521

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận
9 thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		23.370.960	8.078.400
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	23.370.960	8.078.400
Cổ tức được chia		3.937.500.000	-
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	3.937.500.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.523.826.273	2.523.826.273
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	208.698.022	208.698.022
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	2.315.128.251	2.315.128.251
Phải thu về cho vay		3.560.000.000	3.560.000.000
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		2.789.400.000	951.900.000
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con	90.000.000	90.000.000
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	1.837.500.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Giám đốc	195.803.602	107.590.760

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng



Vũ Việt Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Giám đốc



Đặng Duy Hợp